

Bản án số: 182/2019/DS-PT

Ngày: 25/10/2019

V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại  
do tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Dung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tửu  
Ông Đặng Văn Lộc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLPT-DS, ngày 27 tháng 09 năm 2019 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2019/QĐ-PT, ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1954 (vắng).

- *Người đại diện hợp pháp của ông H* là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956 ( ủy quyền ngày 03/11/2017, có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

3. Chị Lê Thị Kiều Tr, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ : Số , tổ , khu vực , phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

4. Chị Lê Thị Thúy H, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm , thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ, chị Tr, chị H là ông Huỳnh Chí T - Luật sư của Công ty Luật hợp danh Trung Phú Cần Thơ thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.*

- Người kháng cáo:*
1. Bị đơn ông Lê Văn H.
  2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.
  3. Bị đơn chị Lê Thị Kiều Tr.
  4. Bị đơn chị Lê Thị Thúy H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày :*

Bà T đang sử dụng thửa đất số 892 (thửa mới 301), diện tích 1.910m<sup>2</sup> (cấp kinh ông Hạp) do ông Lê Minh H đứng tên mặt 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 (ông H là chồng bà T đã ly hôn). Khoảng 2 đến 3 năm trở lại đây bà T và gia đình ông H có xảy ra mâu thuẫn về việc tranh chấp đất. Ủy ban nhân dân xã Bình Ninh giải quyết có nội dung gia đình ông H được quyền đi lại bằng ghe trên kênh ông H, không được chặt phá cây trồng.

Khoảng 14 giờ ngày 07 tháng 02 năm 2017, vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ dùng máy cưa, dao chặt phá phần cây trồng của bà T bao gồm :

- + 02 (hai) cây dừa 05 năm tuổi x 80.000đồng/cây = 160.000đồng.
- + 02 (hai) cây dừa 04 năm tuổi x 80.000đồng/cây = 160.000đồng;
- + 05 (năm) cây dừa 03 năm tuổi x 80.000đồng/cây = 400.000đồng.
- + 06 (sáu) cây chanh 04 năm tuổi x 70.000đồng/cây = 420.000đồng.
- + 03 (ba) cây cam 03 năm tuổi x 40.000đồng/cây = 120.000đồng.
- + 01 (một) cây măng cụt 02 năm tuổi x 180.000đồng/cây = 180.000đồng.
- + 01 (một) cây bần đường kính gốc 47cm x 60.000đồng = 60.000đồng.
- Tổng cộng phần cây trồng: 1.500.000đ.
- + Phần cầu bê tông của bà T bị hư hỏng: 300.000đồng.
- + Tiền cây giống trồng mới 400.000đồng.
- + Tiền thuê người dọn dẹp cây trồng: 500.000đồng.
- Cộng chung các khoản : 2.700.000đồng .

*- Đến ngày 22 tháng 11 năm 2017 bà Đ, chị Tr và chị H tiếp tục nhổ cây trồng do bà T trồng mới bao gồm :*

- + 33 cây cam xoàn x 16.000đồng/cây = 528.000đồng.
- + 09 cây bưởi da xanh x 26.000đồng/cây = 234.000đồng.
- + 09 cây dừa x 45.000đồng/cây = 405.000đồng.
- + 02 cây măng cụt x 48.000đồng/cây = 96.000đồng.
- Tổng cộng phần cây trồng: 1.263.000đ.

+ Công làm thuê 03 ngày x 150.000đồng = 450.000đồng.

+ 38 mô đất trồng cây bị hư hại.

Cộng chung các khoản : 1.713.000đồng.

Bà T yêu cầu ông H và bà Đ bồi thường thiệt hại số tiền 2.700.000đồng.  
Yêu cầu bà Đ, chị Tr, chị H bồi thường thiệt hại số tiền 1.713.000đồng .

- Bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Văn H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đ đại diện thống nhất trình bày:

Bà Đ thừa nhận vào khoảng 14 giờ ngày 07 tháng 02 năm 2017 bà Đ và ông H đã dùng máy cưa và dao để chặt, cưa phần cây trồng của bà T gồm: 06 cây chanh bông tím, 02 cây dừa khoảng 05 năm tuổi, 02 cây dừa khoảng 04 năm tuổi, 05 cây dừa khoảng 03 năm tuổi, 03 cây cam khoảng 03 năm tuổi, 01 cây măng cụt khoảng 02 năm tuổi, 01 cây bần khoảng 25 năm tuổi, khi đốn cây do cây ngã làm hư cây cầu bắt ngang kênh ông H của bà T. Nguyên nhân do gia đình hai bên có tranh chấp ranh đất và con rạch ông H. Bà T trồng cây và bắt cầu nằm trong diện tích đất của gia đình bà Đ.

Trong khi Tòa án đang giải quyết thì bà T tiếp tục trồng cây trên phần đất tranh chấp. Vào khoảng 09 giờ đến 10 giờ ngày 22 tháng 11 năm 2017 bà Đ và hai người con là Lê Thị Kiều Tr, Lê Thị Thúy H có nhỏ khoảng 35 cây cam, 06 cây dừa do bà T trồng. Bà Đ, ông H không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T.

- Chị Lê Thị Kiều T và chị Lê Thị Thúy H thống nhất trình bày:

Chị Tr, chị H thừa nhận vào ngày 22 tháng 11 năm 2017 có cùng với bà Đ nhỏ khoảng 35 cây cam, 06 cây dừa của bà T. Nay chị Tr, chị H không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T;

- Buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ cùng liên đới bồi thường phần cây trồng bị thiệt hại cho bà Lê Thị T vào ngày 07/02/2017 theo kết luận định giá tài sản số 34/KL.HĐĐGTS ngày 02/3/2017 bằng số tiền 1.500.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ, chị Lê Thị Kiều Tr, chị Lê Thị Thúy H cùng liên đới bồi thường phần cây trồng bị thiệt hại cho bà Lê Thị T vào ngày

22/11/2017 theo kết luận định giá tài sản số 44/KL.HĐĐGTS, ngày 06/4/2018 bằng số tiền 1.263.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về bác một phần yêu cầu của bà Tới về các chi phí mua lại cây trồng 400.000 đồng, tiền công làm thuê 03 ngày là 450.000 đồng, tiền hư hại cây cầu bê tông 300.000 đồng, tiền dọn dẹp cây trồng 500.000 đồng, lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí xem xét thẩm định quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

*Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 13/4/2019 bị đơn ông H, bà Đ, chị Tr và chị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người kháng cáo là bị đơn ông H do bà Đ đại diện, bà Đ, chị Tr và chị H giữ nguyên kháng cáo không đồng ý bồi thường cho bà T số tiền 2.763.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Nguyên đơn bà Tới không đồng ý kháng cáo của ông H, bà Đ, chị Tr và chị H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ, chị Tr và chị H:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà Đ, chị Tr và chị H, sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông H, bà Đ, chị Tr và chị H bồi thường cho bà T số tiền 2.763.000 đồng.

*Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà Đ, chị Tr và chị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm; ông H, bà Đ không phải chịu án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi; chị Tr và chị H phải chịu án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm xét xử ngày 01/4/2019 đến ngày 16/04/2019 nhận đơn kháng cáo của ông H, bà Đ, chị Tr và chị H còn trong hạn luật định

là kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông H, bà Đ, chị Tr, chị H thừa nhận có hành vi chặt phá cây trồng của bà T vào ngày 07/02/2017 và ngày 22/11/2017 do bà T trồng cây trên phần đất thuộc thửa 274 và thửa 301 đang tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông H và bà T được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết ngày 20/02/2019. Xét thấy, ông H, bà Đ, chị Tr, chị H có hành vi chặt phá cây trồng của bà T đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản. Do ông H, bà Đ, chị Tr, chị H có hành vi gây thiệt hại về tài sản cho bà T thì phải bồi thường theo qui định tại khoản 1 Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015. Do vậy án sơ thẩm xét xử buộc ông H, bà Đ cùng liên đới bồi thường phần cây trồng bị thiệt hại cho bà Lê Thị T số tiền 1.500.000 đồng; Buộc bà Đ, chị Tr, chị H cùng liên đới bồi thường phần cây trồng bị thiệt hại cho bà Lê Thị T số tiền 1.263.000 đồng là phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông H, bà Đ, chị Tr, chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên ông Hiệp, bà Đà có đơn xin miễn án phí thuộc diện người cao tuổi theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về bác một phần yêu cầu của bà Tới về các chi phí mua lại cây trồng 400.000 đồng, tiền công làm thuê 03 ngày là 450.000 đồng, tiền hư hại cây cầu bê tông 300.000 đồng, tiền dọn dẹp cây trồng 500.000 đồng; Bà Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0010261, ngày 23/8/2017 và số 0011206, ngày 21/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; Bà Lê Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Đ, chị Lê Thị Kiều Tr, chị Lê Thị Thúy H.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 01 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015; đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

- Buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ cùng liên đới bồi thường cây trồng bị thiệt hại cho bà Lê Thị T bằng số tiền 1.500.000 đồng ( một triệu năm trăm ngàn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ, chị Lê Thị Kiều Tr, chị Lê Thị Thúy H cùng liên đới bồi thường cây trồng bị thiệt hại cho bà Lê Thị T bằng số tiền 1.263.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Văn H, chị Lê Thị Kiều Tr, chị Lê Thị Thúy H phải chịu 2.000.000 đồng ( hai triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền bà Đ đã nộp tạm ứng là 1.000.000 đồng ( một triệu đồng) nên bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Văn H, chị Lê Thị Kiều Tr, chị Lê Thị Thúy H còn phải nộp tiếp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để hoàn trả lại cho bà Lê Thị T nhận.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Đ, chị Lê Thị Kiều Tr, chị Lê Thị Thúy H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm. Bà Đ được miễn 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) án phí nên chị Tr và chị H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm :

+ Bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Văn H được miễn án phí phúc thẩm.

+ Chị Lê Thị Kiều Tr, chị Lê Thị Thúy H mỗi người phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền nộp tạm

ứng theo biên lai số 0011724 và số 0011723 cùng ngày 16/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về bác một phần yêu cầu của bà Tới về các chi phí mua lại cây trồng 400.000 đồng, tiền công làm thuê 03 ngày là 450.000 đồng, tiền hư hại cây cầu bê tông 300.000 đồng, tiền dọn dẹp cây trồng 500.000 đồng; Bà Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0010261, ngày 23/8/2017 và số 0011206, ngày 21/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; Bà Lê Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
( Đã ký)**

**Trần Thị Ngọc Dung**